



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 87/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GỐM ỐP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

GUOCERA SDN. BHD.

Địa chỉ: 201, Jalan Mengkibol, 86000 Kluang, Johor Darul Takzim, Malaysia.

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 24/07/2025 đến hết 23/07/2028

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN

Phạm Đức Nhuận



Lê Văn Quang

Số: 87A/QĐDTCN-SVIBM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

- Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD ngày 30/06/2023 của Bộ Xây dựng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Phân viện Vật liệu xây dựng miền Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/ chứng nhận;
- Căn cứ kết quả thẩm tra Hồ sơ đánh giá;
- Xét đề nghị của Trưởng Văn phòng chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duyệt hiệu lực Giấy chứng nhận hợp quy số **87/2025/DNNK-SVIBM** ngày **24/07/2025** và cho sản phẩm: **GẠCH GÓM ÓP LÁT**

Đơn vị sản xuất: **GUOCERA SDN. BHD.**

Địa chỉ: 201, Jalan Mengkibol, 86000 Kluang, Johor Darul Takzim, Malaysia

Đơn vị nhập khẩu: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát.

Điều 2: Công ty **GUOCERA SDN. BHD** phải đảm bảo duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD trong quá trình gia công, sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu chất lượng trên các sản phẩm đã đánh giá chứng nhận.

Điều 3: Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy có giá trị sử dụng đến hết **23/07/2028**. Việc giám sát thể hiện bằng công tác kiểm tra chất lượng và đánh giá giám sát hàng năm của Phân viện VLXD Miền Nam.

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu VT; VPCN.



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Văn Quang

PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Quyết định duy trì số: 87A/QĐDTCTN-SVIBM ngày 05/06/2026 của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to decision No 87A/QĐDTCTN-SVIBM dated June 05, 2026*)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (mm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	SR5085A	300 x 600 x 9.3
2				SR5085B	300 x 600 x 9.3
3				SR5085C	300 x 600 x 9.3
4				SR5085D	300 x 600 x 9.3
5				X6R5085A	600 x 1200 x 10.0
6				X6R5085B	600 x 1200 x 10.0
7				X6R5085C	600 x 1200 x 10.0
8				X6R5085D	600 x 1200 x 10.0

9	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YR5085A	600 x 600 x 9.3
10				YR5085B	600 x 600 x 9.3
11				YR5085D	600 x 600 x 9.3
12				YR350A	600 x 600 x 9.3
13				YR350B	600 x 600 x 9.3
14				YR350D	600 x 600 x 9.3
15				GX-CTL1MR	600 x 1200 x 10.0
16				GX-CTL2MR	600 x 1200 x 10.0
17				GX-CTL4MR	600 x 1200 x 10.0
18				GX-CTL5MR	600 x 1200 x 10.0
19				GX-CTL6MR	600 x 1200 x 10.0
20				GY-CTL1MR	600 x 600 x 9.3
21				GY-CTL2MR	600 x 600 x 9.3

22	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GY-CTL4MR	600 x 600 x 9.3
23				GY-CTL5MR	600 x 600 x 9.3
24				GY-CTL6MR	600 x 600 x 9.3
25				SS8024A	300 x 600 x 9.3
26				SS8024AR	300 x 600 x 9.3
27				SS8024B	300 x 600 x 9.3
28				SS8024BR	300 x 600 x 9.3
29				SS8024C	300 x 600 x 9.3
30				SS8024CR	300 x 600 x 9.3
31				SS8024D	300 x 600 x 9.3
32				SS8024DR	300 x 600 x 9.3
33				SS8024E	300 x 600 x 9.3
34				SS8024ER	300 x 600 x 9.3

35	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YS8024A	600 x 600 x 9.3
36				YS8024B	600 x 600 x 9.3
37				YS8024BR	600 x 600 x 9.3
38				YS8024C	600 x 600 x 9.3
39				YS8024D	600 x 600 x 9.3
40				YS8024E	600 x 600 x 9.3
41				SR80252A	300 x 600 x 9.3
42				SR80252B	300 x 600 x 9.3
43				SR80252D	300 x 600 x 9.3
44				X6R80252A	600 x 1200 x 10.0
45				X6R80252B	600 x 1200 x 10.0
46				X6R80252C	600 x 1200 x 10.0
47				YR80252A	600 x 600 x 9.3

48	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YR80252B	600 x 600 x 9.3
49				YR80252C	600 x 600 x 9.3
50				YR80252D	600 x 600 x 9.3
51				X6R8021A	600 x 1200 x 10.0
52				X6R8021B	600 x 1200 x 10.0
53				X6R8021C	600 x 1200 x 10.0
54				YR8021B	600 x 600 x 9.3
55				YR8021C	600 x 600 x 9.3
56				X6R8016N	600 x 1200 x 10.0
57				X6R8011N	600 x 1200 x 10.0
58				X6R8011P	600 x 1200 x 10.0
59				YR8011N	600 x 600 x 9.3
60				X6R8010N	600 x 1200 x 10.0

61				X2R8027AM	200 x 1200 x 10.0
62				X2R8027BM	200 x 1200 x 10.0
63				X2R8027DM	200 x 1200 x 10.0
64				X2R8022AM	200 x 1200 x 10.0
65				X2R8022EM	200 x 1200 x 10.0
66				SR5037A	300 x 600 x 9.3
67				SR5037B	300 x 600 x 9.3
68				SR5037C	300 x 600 x 9.3
69				SR5037D	300 x 600 x 9.3
70				YR5037A	600 x 600 x 9.3
71				YR5037B	600 x 600 x 9.3
72				YR5037C	600 x 600 x 9.3
73				YR5037D	600 x 600 x 9.3

74	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GX-PIT2MR	600 x 1200 x 10.0
75				GX-PIT6MR	600 x 1200 x 10.0
76				GY-PIT2MR	600 x 600 x 9.3
77				GY-PIT6MR	600 x 600 x 9.3
78				SY-AMA1NR	600 x 600 x 8.8
79				SY-AMA2NR	600 x 600 x 8.8
80				SY-AMA4NR	600 x 600 x 8.8
81				SY-AMA5NR	600 x 600 x 8.8
82				36P002A	300 x 600 x 8.8
83				36P002B	300 x 600 x 8.8
84				36P002C	300 x 600 x 8.8
85				36P002E	300 x 600 x 8.8
86				60P002A	600 x 600 x 8.8

87	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	60P002B	600 x 600 x 8.8
88				60P002C	600 x 600 x 8.8
89				SY-VTA1NR	600 x 600 x 8.8
90				SY-VTA2NR	600 x 600 x 8.8
91				SY-VTA4NR	600 x 600 x 8.8
92				SY-VTA5NR	600 x 600 x 8.8
93				VX-CCT1NR	600 x 1200 x 10.0
94				VX-CCT2NR	600 x 1200 x 10.0
95				VX-CCT4NR	600 x 1200 x 10.0
96				VY-CCT1NR	600 x 600 x 9.3
97				VY-CCT2NR	600 x 600 x 9.3
98				VY-CCT4NR	600 x 600 x 9.3
99				X6R8006N	600 x 1200 x 10.0

100	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	YR5085C	600 x 600 x 9.3
101				SR80252C	300 x 600 x 9.3
102				X6R80252D	600 x 1200 x 10.0
103				X6R8006P	600 x 1200 x 10.0
104				YR8006N	600 x 600 x 9.3
105				X2R8027CM	200 x 1200 x 10.0
106				X2R8022DM	200 x 1200 x 10.0

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Văn Quang